

Số: 46/2020/QĐST-HNGĐ

B, ngày 11 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN TẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA TẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: anh Phạm Văn K, sinh năm 1971; địa chỉ 008/PK ấp P, xã P, huyện B, tỉnh B.

Bị đơn: chị Võ Thị Ánh T, sinh năm 1972; địa chỉ 085/AP ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc Tận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn K và chị Võ Thị Ánh T. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 297 (quyển 02) ngày 26/8/1996 của UBND xã A, huyện B, tỉnh B chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: anh Phạm Văn K và chị Võ Thị Ánh T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Phạm Trọng T sinh năm 1996 đã trưởng thành. Chị Võ Thị Ánh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng Phạm Trọng P, sinh ngày 27/9/2004 (phù hợp với nguyện vọng của cháu P). Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu

anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: hai bên khai không có.

- Về nợ chung: hai bên khai không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) anh Phạm Văn K đồng ý nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai T tiền số 0008778 ngày 07/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Do đó, anh K được nhận lại số tiền còn dư là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- [UBND xã A;](#)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên